TAND HUYỆN T
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Phúc Vượng; Ông Vàng A Kỷ.

- Thư ký phiên toà: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. NguY đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1969; Nơi cư trú: bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Hữu Y, sinh năm 1964; Nơi cư trú: bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" cùng các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguY đơn bà Lý Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Hữu Y về chung sống với nhau từ năm 1987, đến ngày 28/8/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than UY (nay là huyện T), tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa bà và ông Y là hoàn toàn tự nguY, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống ông Y thường xuY ghen tuông vô lối, uống rượu, đánh chửi vợ con. Nhiều lần được gia đình hai bên động viên hòa giải, bà đã cố gắng chịu đựng để lo chu toàn cho các con nên đã duy trì quan hệ vợ chồng nhưng ông Y không thay đổi. Đến nay, bà không còn tình cảm yêu tH, tình nghĩa với ông Y, không muốn tiếp tục chung sống với ông Y. Từ tháng 9 năm 2023, bà đã chuyển về nhà con gái ở nhưng ông Y vẫn thường xuY đến chửi bới. Hiện nay, bà chuyển đến nhà chị gái ruột tại huyện Than UY,

tỉnh Lai Châu để ở. Qua thời gian dài chịu đựng vì các con, nay các con đã trưởng thành nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà và ông Y có 04 con chung là Hoàng Thị X, sinh ngày 24/9/1989; Hoàng Thị N1, sinh ngày 18/10/1990; Hoàng Văn T1, sinh ngày 13/01/1992; Hoàng Thị X, sinh ngày 08/11/1995. Hiện cả 04 con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi, có khả năng lao động và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Hữu Y trình bày:

Ông xác nhận việc đăng ký kết hôn và thời gian chung sống như bà H trình bày là hoàn toàn đúng. Ông không nhất trí ly hôn với bà H, vì các lý do: Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là nhỏ nhặt, không nghiêm trọng; do bà H đi làm thuê xa nhà nên việc vợ chồng chia sẻ với nhau là khó khăn; ông có tát bà H nhưng không đến mức đánh đập như bà H trình bày; tuổi của ông bà đã cao, các con hiện đã trưởng thành nhưng còn có cháu nhỏ ở cùng cần có người chăm sóc các cháu và bản thân ông vẫn còn yêu tH bà H. Về con chung và tài sản chung ông nhất trí như ý kiến của bà H.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: NguY đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lý Thị H và xem xét quyết định: Bà Lý Thị H được ly hôn với ông Hoàng Hữu Y; do các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và chia tài sản chung do bà H, ông Y không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; nguY đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Hữu Y có nơi cư trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H và ông Hoàng Hữu Y về chung sống với nhau từ năm 1987, đến ngày 28/8/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Than UY (nay là huyện T) tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa bà H và ông Y là hoàn toàn tự nguY, không bị ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà H và ông Y chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuY mâu thuẫn. NguY nhân do ông Y thường xuY ghen tuông vô lối, hay uống rượu nên chửi vợ con. Đến tháng 9 năm 2023 bà H đã đi ở cùng con gái, ly thân với ông Y. Hiện bà đang sống cùng với chị gái ruột tại huyện Than UY, tỉnh Lai Châu. Bà H kiên quyết xin ly hôn nhưng ông Y không nhất trí vì cho rằng tuổi đã cao, vẫn còn yêu tH bà H. Xét thấy, khoảng thời gian mâu thuẫn giữa bà H và ông Y đã kéo dài, bà H không thể tiếp tục chung sống cùng với ông Y nên đã ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Bà H không còn dành tình cảm, quan tâm, sẻ chia cùng với ông Y. Hơn 30 năm, mặc dù không còn tình cảm với ông Y nhưng bà H cố gắng chung sống với ông Y là vì các con. Đến nay, các con đã trưởng thành, bà không thể tiếp tục chung sống cùng với ông Y mặc dù ông Y không nhất trí nhưng bà kiên quyết xin được ly hôn với ông Y. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Y đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu khởi kiện của bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con chung Hoàng Thị X, sinh ngày 24/9/1989; Hoàng Thị N1, sinh ngày 18/10/1990; Hoàng Văn T1, sinh ngày 13/01/1992; Hoàng Thị X, sinh ngày 08/11/1995. Hiện cả 04 con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi, có khả năng lao động và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Bà H và ông Y đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lý Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H được ly hôn với ông Hoàng Hữu Y.

2. Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lý Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000861 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: NguY đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T;
- NguY đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Dương Thị Tuyết Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**